

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/DS-ST

Ngày: 15-03-2022

V/v: “Tranh chấp nghĩa vụ thanh
toán tiền”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Tâm và bà Nguyễn Thị Bình.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Tô Văn Liên – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Cao Quốc Thuận – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2022, về việc: “Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán tiền” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2022 giữa các bên đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Lê Thị Kim Q, sinh năm 1967;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1966;

Cùng nơi cư trú: Số nhà 162, đường 3 tháng 2, khu phố 5, thị trấn ĐT, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- ***Bị đơn:*** Ông Cao B, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973;

Cùng nơi cư trú: Số nhà 178, đường Lê H Phong, tổ 4, khu phố 7, thị trấn ĐT, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1966;

Nơi cư trú: Số nhà 162, đường 3 tháng 2, khu phố 5, thị trấn ĐT, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, có mặt Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn và Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Trong khoảng thời gian từ năm 2013 đến năm 2017, vợ cH nguyên đơn có Bn thức ăn gia súc cho vợ cH bà Nguyễn Thị H và ông Cao B. Quá trình mua Bn với nhau, ông B và bà H có trả tiền cho vợ cH nguyên đơn nhưng trả không đầy đủ, tính đến ngày 02/01/2017 thì ông B và bà H còn nợ vợ cH nguyên đơn số tiền 388.257.000đồng. Từ năm 2017 đến nay, sau nhiều lần vợ cH nguyên đơn liên hệ đòi nợ thì ông B và bà H cứ hứa hẹn mà không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền còn nợ cho vợ cH nguyên đơn.

Việc nguyên đơn Lê Thị Kim Q trực tiếp giao dịch mua Bn cám với ông B và bà H là hoạt động kinh doanh chung của vợ cH nguyên đơn và ông Huỳnh Văn T; do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông B và bà H phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị Kim Q và ông Huỳnh Văn T số tiền còn nợ gốc là 388.257.000đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 02/01/2017 (ngày kết sổ nợ mua Bn) đến ngày 02/01/2022 = 60 tháng x 0,83%/tháng x 388.257.000 đồng = 193.351.000 đồng. Tổng cộng số tiền ông B và bà H phải thanh toán cho bà Q và ông T là 581.608.000 đồng; đồng thời nguyên đơn còn yêu cầu ông B và bà H còn tiếp tục chịu lãi cho đến khi trả xong số tiền nợ gốc.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Cao B và Nguyễn Thị H trình bày:

Ông B và bà H thừa nhận có mua cám heo của vợ cH bà Lê Thị Kim Q bắt đầu từ thời điểm vợ cH ông T bà Q mở đại lý cám, tính đến ngày 02/01/2017 thì ông B và bà H còn nợ vợ cH nguyên đơn số tiền 388.257.000đồng. Sau đó, vợ cH ông B và bà H vẫn tiếp tục mua Bn cám heo với vợ cH ông T và bà Q, tuy nhiên vợ cH ông B và bà H thanh toán đầy đủ; từ tháng 8/2019 đến nay thì ông B và bà H không còn mua cám của vợ cH T Q nữa, do dịch bệnh nên ông B và bà H không còn khả năng thanh toán cho ông T bà Q.

Nay bà Q, ông T khởi kiện yêu cầu ông B và bà H trả số tiền 388.257.000đồng thì ông B và bà H đồng ý trả số tiền này.

Đối với phần lãi suất thì ông B và bà H không đồng ý trả, bởi vì trong quá trình mua Bn cám đã có lợi nhuận, lãi trong đó rồi. Mặc khác, khi thỏa thuận mua Bn cám thì hai bên không có thỏa thuận về lãi suất.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Hoạt động kinh doanh thức ăn gia súc là hoạt động kinh doanh chung của ông T và bà Q, do bà Q đại diện giao dịch với khách hàng; nay bà Q khởi kiện yêu cầu ông B và bà H phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị Kim Q và ông Huỳnh Văn T số tiền còn nợ gốc là 388.257.000đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 02/01/2017 thì ông thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Q.

Tại phiên toà: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu của nguyên đơn và thay đổi về thời gian tính lãi, cụ thể: Yêu cầu

ông B và bà H phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị Kim Q và ông Huỳnh Văn T số tiền còn nợ gốc là 388.257.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 30/6/2017 (ngày ký giấy xác nhận nợ) đến ngày 15/3/2022, theo mức lãi suất 10%/năm và tiếp tục chịu lãi cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Bị đơn đồng ý một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc trả số tiền nợ gốc là 388.257.000 đồng; không đồng ý trả lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất với ý kiến trình của Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

Tại Bài phát biểu số 36 ngày 15/3/2022, Kiểm sát viên được phân công tham gia phiên tòa nêu quan điểm về vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các đương sự đã thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự có trong hồ sơ vụ án, xét thấy việc nguyên đơn khởi kiện là hoàn toàn có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho bà Lê Thị Kim Q và ông Huỳnh Văn T số tiền 388.257.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo quy định, buộc bị đơn chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn Lê Thị Kim Q khởi kiện yêu cầu bị đơn Cao B và Nguyễn Thị H thanh toán tiền mua Bn thức ăn gia súc và tiền lãi chậm trả; bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Khu phố 7, thị trấn DT, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp nghĩa vụ thanh toán tiền trong hợp đồng mua Bn hàng hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên được phân công tham gia phiên tòa không thể tham gia phiên tòa do đang cách ly để điều trị nhiễm Covid-19; các đương sự có mặt tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt Đại diện Viện kiểm sát; căn cứ Điều 232 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về chứng cứ: Tại phiên tòa, Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cung cấp cho Hội đồng xét xử 01 giấy xác nhận nợ ghi ngày 30/6/2017; bị đơn không

cung cấp tài liệu, chứng cứ mới. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu, chứng cứ mà đương sự khác đã giao nộp trong quá trình giải quyết vụ án và tài liệu, chứng cứ do Tòa án đã thu thập theo khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[4] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tài liệu, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[4.1] Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận giữa hai bên có thỏa thuận nguyên đơn bán thức ăn gia súc cho bị đơn, tính đến ngày 02/01/2017 thì ông B và bà H còn nợ vợ chồng nguyên đơn số tiền 388.257.000đồng; bị đơn thừa nhận chữ ký và chữ viết tên của bị đơn thể hiện trong giấy xác nhận nợ ghi ngày 30/6/2017 do Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cung cấp cho Hội đồng xét xử là do bị đơn ký và viết tên, đây là sự kiện pháp lý đã được các bên thừa nhận, thuộc trường hợp không phải chứng minh theo quy định điểm a khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Mặc khác, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả cho vợ chồng nguyên đơn số tiền 388.257.000đồng, vợ chồng bị đơn đồng ý; do đó, căn cứ Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa, cụ thể như sau: Ông Cao B và bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Lê Thị Kim Q và ông Huỳnh Văn T số tiền nợ gốc là 388.257.000đồng.

[4.2] Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi trên số tiền chậm trả, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải liên đới thanh toán tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm, tương đương 0,833%/tháng tính từ ngày 30/6/2017. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cho rằng trong quá trình mua bán cám đã có lợi nhuận, lãi trong đó. Mặc khác, khi thỏa thuận mua bán cám thì hai bên không có thỏa thuận về lãi suất, cho nên bị đơn không đồng ý trả tiền lãi cho nguyên đơn.

Tại khoản 3 Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

“3. Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này.”

Mặc dù nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận lãi trong quá trình thực hiện giao dịch mua bán cám; tuy nhiên, theo quy định tại khoản 3 Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì đây là nghĩa vụ của bên mua trong hợp đồng mua bán tài sản đã được pháp luật quy định, do đó yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468

của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”.

Do các bên đương sự không có thỏa thuận lãi suất trong quá trình mua bán và sau khi kết nợ, do đó lãi suất phát sinh do chậm trả tiền sẽ được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, cụ thể: Hội đồng xét xử chấp nhận tính tiền lãi từ ngày 30/6/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm như sau:

$388.257.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} (0,833\%/\text{tháng}) \times 4 \text{ năm } 8 \text{ tháng } 15 \text{ ngày} = 182.782.176 \text{ đồng}$ (làm tròn số 182.782.000 đồng).

[4.3] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn tiếp tục chịu lãi suất đối với số tiền còn phải thi hành án đến khi thi hành án xong là phù hợp quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí DSST. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 93; Điều 95; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 232, Điều 262; Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 357, Điều 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 33, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điểm b khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Kim Q:

Buộc ông Cao B và bà Nguyễn Thị H liên đới thanh toán cho bà Lê Thị Kim Q và ông Huỳnh Văn T số tiền 571.039.000 đồng. Trong đó: Tiền nợ gốc là 388.257.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 15/3/2022 là 182.782.000 đồng.

Kể từ ngày bà Lê Thị Kim Q và ông Huỳnh Văn T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/ Về án phí: Buộc ông Cao B và bà Nguyễn Thị H phải chịu số tiền **26.841.500** đồng án phí dân sự sơ thẩm. Án phí nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

Trả lại cho bà Lê Thị Kim Q số tiền 17.531.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh theo biên lai thu tiền số 0009083 ngày 10/01/2022.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Thuận